

Bản án số: 138/2018/HS-PT

Ngày: 29-03-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Việt Tiên

Các Thẩm phán:

1. Bà Phạm Uyên Thy
2. Ông Vũ Văn Lê

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hồ Thị Kiều Trang– Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Khanh– Kiểm sát viên

Ngày 29/3/2018, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 72/2018/TLPT-HS, ngày 06 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Thị Hoàng O do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 264/2017/HS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận A , Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo:

Nguyễn Thị Hoàng O ; giới tính: nữ; Sinh năm: 1991 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 214/F7 đường NT , phường NCT , Quận A , Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: kế toán công ty TNHH Thương Mại Minh Phát; Con ông: Nguyễn Văn T và bà: Nguyễn Thị Hoàng M ; hoàn cảnh gia đình: chưa có chồng con; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 4/5/2015 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 18/5/2015.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16h ngày 03/5/2015, Nguyễn Thị Hoàng O đã rủ bị cáo Lê Hoàng T dàn cảnh cướp tài sản của chị Đỗ Xuân T (bạn của O) để lấy tiền tiêu xài. Bị cáo O bàn sẽ chở Th đến chỗ vắng và kêu T dùng lời nói đe dọa để cướp hoặc chạy bộ cướp giật giỏ sách của Th rồi tẩu thoát. T đồng ý. Đến khoảng 21h 50 phút cùng ngày T điện thoại cho O thì được O cho biết đang chở chị Th trên

đường TĐX, Quận A , Tp. Hồ Chí Minh do không có xe nên T đã rủ Nguyễn Ngọc D đi cùng. Khi D điều khiển xe chở T đến đường TĐX thấy O đang chờ Th , đến trước nhà số 122/1 TĐX, Quận A T kêu D ép xe O . T xuống xe tay phải cầm dao Thái Lan dí vào người chị Th và nói “Đưa túi xách cho tao nếu không tao đâm” còn tay trái nắm túi xách chị Th giật lấy nhưng chị Th giữ lại và xuống xe bỏ chạy. T đuổi theo được 5m thì chị Th té ngã làm rơi điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus xuống đất, T lấy chiếc điện thoại chạy đến chỗ của D cùng bỏ chạy. Qua điều tra Cơ quan công an đã phát hiện và làm rõ hành vi phạm tội của bị cáo O , bị cáo T và bị cáo Duy.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 264/2017/HS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận A , Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Hoàng O phạm tội “Cướp tài sản”.

Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 133; điểm g, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điều 20 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Hoàng O 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để chấp hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giam trước đó từ ngày 04/5/2015 đến ngày 18/5/2015.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên mức hình phạt đối với các bị cáo Lê Hoàng T và NND , xử lý vật chứng và thời hạn kháng cáo.

Ngày 09/1/2018, bị cáo O kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo vì hoàn cảnh gia đình khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Đánh giá hành vi quyết định tố tụng: trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm các cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các trình tự thủ tục tố tụng theo qui định của pháp luật.

[2]Đánh giá hành vi của bị cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị Hoàng O đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo O kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo vì hoàn cảnh gia đình khó khăn. Trong vụ án này còn có các bị cáo Lê Hoàng T và Nguyễn Ngọc D không kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh sau khi tóm tắt nội dung phân tích tính chất vụ án những tình tiết tăng nặng giảm nhẹ đã đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ lời khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp với nhau, phù hợp lời khai người bị hại kết hợp với các tài liệu chứng cứ khác mà Cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ vụ án xét đã có đủ cơ sở pháp lý kết luận: Khoảng 16h ngày 03/5/2015, bị cáo O đã rủ bị cáo T dàn cảnh cướp tài sản của chị Đỗ Xuân T (bạn của O) để lấy tiền tiêu xài. Bị cáo O bàn sẽ chở Th đến chỗ vắng và kêu T dùng lời nói đe dọa để cướp hoặc chạy bộ cướp giật giỏ sách của Th rồi tẩu thoát. T đồng ý. Đến khoảng 21h 50 phút cùng ngày T điện thoại cho O thì được O cho biết đang chở chị Th trên đường TĐX, Quận A , Tp. Hồ Chí Minh do không có xe nên T đã rủ D đi cùng. Khi D điều khiển xe chở T đến đường TĐX thấy O đang chở Th , đến trước nhà số 122/1 TĐX, Quận A T kêu D ép xe O . T xuống xe tay phải cầm dao Thái Lan dí vào người chị Th và nói “Đưa túi xách cho tao nếu không tao đâm” còn tay trái nắm túi xách chị Th giật lấy nhưng chị Th giữ lại và xuống xe bỏ chạy thoát. T đuổi theo được 5m thì chị Th té ngã làm rơi điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus xuống đất T lấy chiếc điện thoại chạy đến chỗ của D cùng bỏ chạy. Qua điều tra cơ quan công an đã phát hiện và làm rõ hành vi phạm tội của bị cáo O , bị cáo T và bị cáo Duy. Bị cáo O khai, việc T rủ D và mang theo dao Thái Lan bị cáo không biết. Bị cáo T và D thừa nhận bị cáo O khai như trên là đúng. Bị cáo D khai việc T đem theo dao bị cáo không biết chỉ đến khi T rút dao từ trong người ra đe dọa chị Th bị cáo mới biết. Bị cáo T khai do không có xe nên rủ D đi cùng nhưng cũng không nói cho D và O biết bị cáo có đem theo dao để làm hung khí tấn công người bị hại. Do đó bị cáo T phải chịu trách nhiệm về hành vi “vượt quá” của mình với vai trò là người thực hành. Căn cứ khoản 4 Điều 17 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì bị cáo O và bị cáo D không phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi vượt quá của người thực hành nên xét thấy án sơ thẩm đã áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133 của Bộ luật Hình sự để xét xử bị cáo T và áp dụng khoản 1 Điều 133 của Bộ luật Hình sự để xét xử bị cáo O và bị cáo D là có cơ sở đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội không những đã xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp tài sản của công dân mà còn gây mất trật tự an toàn xã hội nên cần xử phạt bị cáo nghiêm khắc để răn đe, phòng ngừa. Trong vụ án này bị cáo O là người rủ rê, lôi kéo bị cáo T. Bị cáo T thực hiện tội phạm với vai trò là người thực hành hết sức tích cực rủ rê lôi kéo bị cáo D cùng tham gia. Mặc dù vụ án này có nhiều bị cáo tham gia tuy nhiên các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn.

[3] Các tình tiết giảm nhẹ: tại Cơ quan điều tra, các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Bị cáo O bị cáo T phạm tội lần đầu. Bị cáo T ra đầu thú nộp lại tài sản đã chiếm đoạt nên người bị hại đã làm đơn bãi nại xin khoan hồng cho các bị cáo, do đó án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo T 07 (bảy) năm tù, bị cáo O 03 (ba) năm tù, bị cáo D 03 (ba) năm tù.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo O kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo vì hoàn cảnh gia đình khó khăn. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo O trình bày có ông nội là liệt sĩ hi sinh năm 1964 trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cha bị cáo tham gia cách mạng được tặng thưởng nhiều huân huy chương,

mẹ bị cáo mắc bệnh hiểm nghèo nên xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Hội đồng xét xử xét căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện bị cáo có cha ruột là sỹ quan công an nhân dân quá trình phục vụ được tặng thưởng nhiều huân chương, ông nội là liệt sỹ, mẹ bị cáo bị ung thư tuyến giáp hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, đây là các tình tiết giảm nhẹ mà cấp sơ thẩm chưa xem xét nên có chiếu cố giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt nhưng do bị cáo có vai trò là người rủ rê trong vụ án và xét tính nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra nên không thể cho bị cáo được hưởng án treo như đơn kháng cáo của bị cáo.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Hoàng O phạm tội “Cướp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 133 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s, x khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Hoàng O 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án nhưng có khấu trừ cho bị cáo thời gian đã tạm giam trước từ ngày 04/5/2015 đến ngày 18/5/2015.

Bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND Quận A ; (1)
- P.PC 53 - CATP; (1)
- Bị cáo; (1)
- Chi cục THA Quận A ; (1)
- TAND Quận A ; (2)
- Công an Quận A ; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (20) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Việt Tiên

